

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/DS-PT

Ngày 25/02/2025

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất,  
yêu cầu được sở hữu tài sản, bồi  
thường thiệt hại về tài sản, yêu cầu  
thanh toán chi phí san gạt đất, yêu  
cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền  
sử dụng đất

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phùng Đức Chính

*Các Thẩm phán:* Ông Vi Đức Trí

Bà Lương Thị Nguyệt

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh  
Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:**  
Ông Vi Đức Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét  
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2024/TLPT-DS, ngày 03 tháng 12  
năm 2024, về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu được sở hữu tài sản,  
bồi thường thiệt hại về tài sản, yêu cầu thanh toán chi phí san gạt đất, yêu cầu  
chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất:

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024  
của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2025/QĐ-PT ngày  
24 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đàm Thị T; cư trú tại: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Lạng  
Sơn; có mặt.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Bà Nguyễn  
Thanh H - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý  
Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Hoàng Văn L; cư trú tại: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Lạng  
Sơn; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Lê Thị I - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Vy Văn A; cư trú tại: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Vy Văn A:* Ông Lâm Xuân G - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Anh Vy Văn C; vắng mặt.

3. Anh Vy Văn T1; vắng mặt.

4. Chị Vy Thị D; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn E, xã S, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk.

5. Chị Vy Thị H1; cư trú tại: Thôn 2, xã S1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

6. Bà Chu Thị T2; cư trú tại: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

7. Ông Hoàng Văn B; vắng mặt.

8. Bà Lương Thị T3; vắng mặt.

9. Ông Hoàng Văn N; vắng mặt.

10. Bà Hoàng Thị B1; vắng mặt.

11. Ông Hoàng Văn T4; vắng mặt.

12. Chị Hoàng Thị T5; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn T, xã E, huyện J, tỉnh Đắk Nông.

13. Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Hoàng Tiến D1 – Chuyên viên phòng Tài nguyên môi trường huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

14. Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Mạc Khánh H2 – Công chức Địa chính - Xây dựng và Môi trường thuộc UBND xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Đàm Thị T, là nguyên đơn và ông Vy Văn A là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quan hệ gia đình: Cụ Vy Thị E ( đã chết) có 07 người con, trong đó có 3 người con trai tên Vy Văn B2, Vy Văn D1, Vy Văn S. Ông Vy Văn B2 (đã chết) có vợ là Đàm Thị T, nguyên đơn trong vụ án.

Ông Hoàng Văn L1 và bà Hoàng Thị S1 (đều đã chết) có con là Hoàng Văn B, Hoàng Văn C1. Ông Hoàng Văn B có con là Hoàng Văn L, bị đơn trong vụ án.

Về đất tranh chấp: Xác định Diện tích đất tranh chấp: 1341,5m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 579, tờ bản đồ số 107 bản đồ địa chính xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tài sản trên đất gồm có:

- 02 cây gỗ tạp giá trị 32.000 đồng; 02 cây gỗ tạp có giá trị 66.000 đồng;
- 01 cây trám có giá trị 430.000 đồng; 01 cây trám có giá trị 840.000 đồng; 01 cây trám có giá trị 130.000 đồng;
- 01 cây xoan có giá trị 117.000 đồng;
- 01 cây xoan có giá trị 66.000 đồng;

#### **Tại cấp sơ thẩm:**

**Phía nguyên đơn trình bày:** Nguồn gốc đất tranh chấp: Bà Vy Thị E (đã chết) quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp từ lâu. Năm 1989 bà Đàm Thị T kết hôn với ông Vy Văn B2. Năm 2003 bà Vy Thị E để lại phần diện tích đất này cho các con là Vy Văn B2, Vy Văn D1, Vy Văn S để các con thỏa thuận phân chia canh tác sử dụng. Theo thỏa thuận phân chia viết tại “giấy chứng nhận chia đất” lập ngày 13/5/2003 âm lịch, ông Vy Văn B2 có quyền quản lý sử dụng thửa ruộng Đ, N1, rừng hòi C2, rừng quýt M, rẫy K1, đất nhà ở P. Sau khi thỏa thuận phân chia, vợ chồng bà Đàm Thị T mang một số cây hòi con trồng lên khu đất trồng trong rừng. Năm 1990, gia đình bà T chuyển vào tỉnh Đắk Lắk sinh sống, bà có nhờ vợ chồng ông Vy Văn D1 trông nom quản lý giúp phần đất của gia đình bà, gia đình bà chưa có ai đi kê khai để được xem xét cấp GCNQSDĐ.

Năm 2022 bà Đàm Thị T cùng con trai từ Đắk Lắk trở về quê xin kê khai cấp GCNQSDĐ thì phát hiện khu đất chân đồi rừng K1 bị gia đình ông Hoàng Văn L nhổ một số cây hòi con của gia đình bà đã trồng trước đó, san ủi thành mặt bằng và làm nhà trên đất.

Do đó nguyên đơn khởi kiện: Yêu cầu được quyền quản lý và sử dụng đất tranh chấp có diện tích khoảng 939m<sup>2</sup> (trong đó, khoảng 841m<sup>2</sup> đã được san gạt thành mặt bằng; 98m<sup>2</sup> chưa được san gạt) thuộc một phần thửa đất số 579, tờ bản đồ số 107, bản đồ địa chính xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tại địa danh: K1 thuộc Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Bà Đàm Thị T sẽ thanh toán chi phí san gạt đất cho ông Hoàng Văn L với tổng số tiền là 28.000.000 đồng . Yêu cầu được sở hữu tài sản gắn liền với đất tranh chấp gồm 01 cây xoan, 02 bụi chuối, 01 cây mít, 01 cây mạy tàn. Yêu cầu ông Hoàng Văn L phải bồi thường giá trị đối với 82 cây hòi con do ông L đã nhổ bỏ với giá trị 30.000 đồng/cây, tổng số tiền ông Hoàng

Văn L phải bồi thường là 3.460.000 đồng. Yêu cầu ông Hoàng Văn L phải chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất tranh chấp.

**Sau khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:** Yêu cầu được quản lý, sử dụng đất có diện tích 1341.5m<sup>2</sup>, có vị trí đỉnh thửa D-E-F-G-H-K-L-M-N-S-Q thuộc một phần thửa đất số 579, tờ bản đồ số 107 xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Yêu cầu được sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm: 03 cây xoan, 02 cây trám, 16 cây gỗ tạp.

Yêu cầu buộc ông Hoàng Văn L phải bồi thường giá trị 82 cây hồi con tổng số tiền là 2.460.000 đồng. Bà Đàm Thị T sẽ thanh toán chi phí san ủi mặt bằng cho ông Hoàng Văn L với tổng số tiền là 28.000.000 đồng. Buộc gia đình ông Hoàng Văn L chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất mà bà Đàm Thị T yêu cầu được quản lý, sử dụng.

Nguyên đơn bà Đàm Thị T rút yêu cầu khởi kiện đối với đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất sau: Đất và tài sản gắn liền với đất gồm có 03 cây tạp, diện tích 402m<sup>2</sup>, có vị trí đỉnh thửa A-B-Q-S-N-O-P thuộc một phần thửa đất số 573, tờ bản đồ số 107 xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Được thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 28. Đất và tài sản gắn liền với đất gồm có 10 cây tạp, 02 cây trám, trên diện tích 351m<sup>2</sup>, có vị trí đỉnh thửa B-C-D-Q thuộc một phần thửa đất số 575, tờ bản đồ số 107 xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

**Phía bị đơn trình bày:** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguồn gốc đất tranh chấp: Đất tranh chấp do ông Hoàng Văn L1 và bà Hoàng Thị S1 khai phá. Sau đó chia cho ông Hoàng Văn B là bố của bị đơn quản lý sử dụng. Khi Nhà nước có chủ trương giao đất giao rừng cho người dân quản lý, sử dụng thì ông Hoàng Văn B đã đi kê khai và đã được Ủy ban nhân dân huyện C giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng tại Quyết định số 302/UB-QĐ ngày 01 tháng 8 năm 1994 đối với đất có số hiệu mảnh 138, tiểu khu 4, diện tích 0,28ha, địa danh A.

Năm 2000 ông Hoàng Văn B đã giao quyền quản lý và sử dụng đối với mảnh 138 cho ông Hoàng Văn L. Do không hiểu biết pháp luật nên không lập thành văn bản, không có xác nhận của chính quyền địa phương, sau khi được giao đất, ông Hoàng Văn L và vợ là Chu Thị T2 đã trồng ngô, trồng đỗ theo mùa vụ và quản lý đất liên tục cho đến nay.

Năm 2015, vợ chồng bị đơn thuê người san gạt một phần diện tích đất để lấy mặt bằng. Một phần diện tích đất còn lại chưa san gạt thì vợ chồng bị đơn tiếp tục phát quang cỏ để những cây gỗ tạp phát triển, lấy củi phục vụ sinh hoạt gia đình.

Tháng 4 năm 2023, bà Đàm Thị T đem cây hồi con về trồng vào phần diện tích đất chưa san gạt thì phát sinh tranh chấp. Tổng số tiền ông phải trả cho việc san gạt là 30.000.000 đồng (không lập hóa đơn).

Vợ, chồng bị đơn không được nhổ cây hồi con do bà Đàm Thị T trồng. Toàn bộ cây hồi con do bà Đàm Thị T trồng là tự chết.

**Ý kiến của UBND huyện C:** Việc xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai.

**Ý kiến của UBND xã B:** Thửa đất số 579, diện tích 34101,0m<sup>2</sup>, tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 107, xã B chưa được kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, hay cá nhân nào.

**Kết luận giám định tư pháp xác định:**

Khu đất tranh chấp diện tích 1341,5m<sup>2</sup> có một phần diện tích đất trùng với số hiệu mảnh 138, tiểu khu 4, diện tích 0,28ha, địa danh A được thể hiện tại Quyết định số 302 UB-QĐ ngày 01 tháng 8 năm 1994 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn về giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho ông Hoàng Văn B với diện tích khoảng 916m<sup>2</sup> theo vị trí đỉnh thửa (N, S, Q, A4, A5, F, G, H, K, L, M); Phần diện tích khoảng 425m<sup>2</sup> không nằm trong lô, khoảnh nào trên Sơ đồ diện tích đất lâm nghiệp tỷ lệ 1:10.000 xã S3 được thể hiện theo vị trí đỉnh thửa (A4, D, E, A5).

Khu đất tranh chấp diện tích 1341,5m<sup>2</sup> trùng với bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã S3 (nay là xã B) tỷ lệ 1:10.000 được thể hiện như sau: Diện tích chồng lấn vào thửa 579 với diện tích 1341,5m<sup>2</sup> theo vị trí đỉnh thửa (D, E, F, G, H, K, L, M, N, S, Q).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đàm Thị T. Đình chỉ phần yêu cầu đã rút của nguyên đơn; nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là: 15.673.000 đồng, xác nhận bà Đàm Thị T đã nộp đủ số tiền chi phí tố tụng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, quyền khởi kiện lại và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, nguyên đơn bà Đàm Thị T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng gồm chi phí đo đạc, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản; chi phí giám định bản đồ là 15.673.000đồng, nguyên đơn yêu cầu xem xét buộc bị đơn phải chịu ½ chi phí này. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Vy Văn A kháng cáo đề nghị xét xử lại theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự là nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án. Cụ thể:

Bà Đàm Thị T và các con sẽ quản lý, sử dụng 557m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 579, tờ bản đồ số 107 xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, được xác định bởi các đỉnh D, E, F, G, Q thể hiện tại mảnh trích đo địa chính số 28-2024 của Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên M. Bà Đàm Thị T và các con được quyền sở hữu toàn bộ các cây cối trên diện tích 557m<sup>2</sup> đất nêu trên.

Ông Hoàng Văn L và bà Chu Thị T2 sẽ quản lý, sử dụng 784,5m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 579, tờ bản đồ số 107 xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, được được xác định bởi các đỉnh G, H, K, L, M, N, S, Q thể hiện tại mảnh trích đo địa chính số 28-2024 của Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên M. Ông Hoàng Văn L và bà Chu Thị T2 được quyền sở hữu toàn bộ các cây cối trên diện tích 784,5m<sup>2</sup> đất nêu trên.

Về chi phí tố tụng: Bà Đàm Thị T sẽ chịu 10.673.000 đồng (mười triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Ông Hoàng Văn L sẽ chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Số tiền chi phí tố tụng bà Đàm Thị T đã nộp toàn bộ tạm ứng nên ông Hoàng Văn L phải hoàn trả lại số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho bà Đàm Thị T

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vy Văn A và bà Chu Thị T2 đều đồng ý với ý kiến thoả thuận của nguyên đơn và bị đơn.

Đại diện UBND xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Việc thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất. Đối với diện tích đất tranh chấp trong vụ án, ngoài các đương sự trong vụ án thì không có tranh chấp với người thứ ba. Do đó UBND xã B đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án, góp phần giữ gìn tình làng nghĩa xóm, tăng cường khối đoàn kết trong nhân dân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự là nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, đã tự nguyện thoả thuận được với nhau về giải quyết vụ án. Xét thấy, việc tự nguyện thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thoả thuận của các đương sự. Các đương sự đều là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tuy nhiên những người này có người có đơn xin xét xử vắng mặt, có người ngay trong bản khai đã đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự nguyện thoả thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án. Cụ thể:

[2.1] Bà Đàm Thị T và anh Vy Văn A, chị Vy Thị C, anh Vy Văn T1, chị Vy Thị D, chị Vy Thị H1 được quyền quản lý, sử dụng 557m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 579, tờ bản đồ số 107 xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, được được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm D, E, F, G, Q thể hiện tại mảnh trích đo địa chính số 28-2024 của Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên M. Bà Đàm Thị T và anh Vy Văn A, chị Vy Thị C, anh Vy Văn T1, chị Vy Thị D, chị Vy Thị H1 được quyền sở hữu toàn bộ các cây cối trên diện tích 557m<sup>2</sup> đất nêu trên.

[2.2] Ông Hoàng Văn L và bà Chu Thị T2 được quyền quản lý, sử dụng 784,5m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 579, tờ bản đồ số 107 xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, được được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm G, H, K, L, M, N, S, Q thể hiện tại mảnh trích đo địa chính số 28-2024 của Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên M. Ông Hoàng Văn L và bà Chu Thị T2 được quyền sở hữu toàn bộ các cây cối trên diện tích 784,5m<sup>2</sup> đất nêu trên.

[2.3] Về chi phí tố tụng: Bà Đàm Thị T sẽ chịu 10.673.000 đồng (mười triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Ông Hoàng Văn L sẽ chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Số tiền chi phí tố tụng bà Đàm Thị T đã nộp toàn bộ tạm ứng, ông Hoàng Văn L phải hoàn trả lại số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho bà Đàm Thị T.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, việc tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện UBND xã B khẳng định việc thỏa thuận của các đương sự về quyền sử dụng đất là phù hợp với quy hoạch sử dụng đất (thửa đất số 579, tờ bản đồ số 107 xã B được quy hoạch là đất ở). Đối với diện tích đất tranh chấp trong vụ án, ngoài các đương sự trong vụ án thì không có tranh chấp với người thứ ba. Do vậy, căn cứ vào Điều 5, Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án xác định lại án phí dân sự sơ thẩm theo nội dung thỏa thuận về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm. Tuy nhiên, nguyên đơn, bị đơn thuộc đối tượng người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm thì đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bà Đàm Thị T và anh Vy Văn A đều thuộc đối tượng người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[8] Các quyết định khác của bản dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 148 và khoản 1 Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1. Bà Đàm Thị T và anh Vy Văn A, chị Vy Thị C, anh Vy Văn T1, chị Vy Thị D, chị Vy Thị H1 được quyền quản lý, sử dụng 557m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 579, tờ bản đồ số 107 xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, được được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm D, E, F, G, Q thể hiện tại mảnh trích đo địa chính số 28-2024, bổ sung ngày 25-02-2025 do Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên M thực hiện.

2. Bà Đàm Thị T và anh Vy Văn A, chị Vy Thị C, anh Vy Văn T1, chị Vy Thị D, chị Vy Thị H1 được quyền sở hữu toàn bộ các cây cối trên diện tích 557m<sup>2</sup> đất tại mục 1 nêu trên.

3. Ông Hoàng Văn L và bà Chu Thị T2 được quyền quản lý, sử dụng 784,5m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 579, tờ bản đồ số 107 xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, được được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm G, H, K, L, M, N, S, Q thể hiện tại mảnh trích đo địa chính số 28-2024, bổ sung ngày 25-02-2025, do Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên M thực hiện.

4. Ông Hoàng Văn L và bà Chu Thị T2 được quyền sở hữu toàn bộ các cây cối trên diện tích 784,5m<sup>2</sup> đất tại mục 3 nêu trên.

*(Chi tiết cụ thể thể hiện trên mảnh trích đo địa chính số 28-2024, bổ sung ngày 25-02-2025 do Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên M thực hiện kèm theo Bản án).*

Đương sự có quyền, nghĩa vụ kê khai làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, biến động đất đai tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

5. Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng là 15.673.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

5.1. Bà Đàm Thị T phải chịu 10.673.000 đồng (mười triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Xác nhận bà Đàm Thị T đã nộp đủ.

5.2. Ông Hoàng Văn L phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), số tiền này bà Đàm Thị T đã nộp tạm ứng. Buộc ông Hoàng Văn L phải hoàn trả lại số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho bà Đàm Thị T.



Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án, mà người phải thi hành án chậm thi hành án, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

6. Về án phí sơ thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đàm Thị T và ông Hoàng Văn L

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đàm Thị T, anh Vy Văn A không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS H. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Người TGTT khác;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Phùng Đức Chính**